

**PHỤ LỤC 3A: TÌNH HÌNH BAN HÀNH VÀ CÔNG BỐ CÔNG KHAI CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 9330/BC-VPCP ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ)*

STT	Bộ, ngành	Số lượng VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng Quyết định công bố TTHC	Số lượng Văn bản đề nghị VPCP công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Số lượng TTHC đề nghị		Ghi chú
						Công khai	Không công khai	
1	Bộ Quốc phòng	0	0	3	3	18	15	
2	Bộ Công an	0	0	0	0	0	0	
3	Bộ Nội vụ	0	0	0	0	0	0	
4	Bộ Tư pháp	4	21	1	0	0	0	
5	Bộ Ngoại giao	3	4	3	3	4	3	
6	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	0	0	0	
7	Bộ Giáo dục và Đào tạo	20	60	1	0	0	0	
8	Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch	6	98	3	2	98	99	
9	Bộ Lao động Thương binh và Xã hội	1	22	2	0	9	13	
10	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	0	126	0	0	0	0	
11	Bộ Thông tin và Truyền thông	4	19	3	1	61	8	
12	Bộ Khoa học và Công nghệ	14	48	0	0	0	0	
13	Bộ Y tế	6	51	4	4	48	17	
14	Bộ Giao thông Vận tải	39	426	2	1	341	105	
15	Bộ Tài nguyên và Môi trường	11	98	4	2	18	14	
16	Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	14	275	5	0	0	0	
17	Bộ Xây dựng	3	14	4	2	13	13	
18	Ủy ban Dân tộc	2	7	1	1	5	7	
19	Bộ Công Thương	15	20	2	2	44	9	
20	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	9	91	1	0	0	0	
21	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	12	238	4	4	238	221	
22	Bộ Tài chính	0	532	11	0	0	0	
23	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	2	11	2	1	4	5	
24	Ngân hàng Chính sách xã hội	5	65	4	3	48	81	
	<b>Tổng số</b>	<b>170</b>	<b>2226</b>	<b>60</b>	<b>29</b>	<b>949</b>	<b>610</b>	

**PHỤ LỤC 3B: TÌNH HÌNH BAN HÀNH VÀ CÔNG BỐ CÔNG KHAI CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 9330/BC-VPCP ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Văn phòng Chính phủ)*

STT	Địa phương	Số lượng VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng Quyết định công bố TTHC	Số lượng Văn bản đề nghị VPCP công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Số lượng TTHC đề nghị	
						Công khai	Không công khai
1	TP. Hà Nội	4	11	3			
2	Phú Thọ	0	0	0	0	0	0
3	Vĩnh Phúc	132	309	42	2	149	241
4	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0
5	Hòa Bình	7	19	3	2	19	0
6	Hà Nam	0	0	0	0	0	0
7	Hưng Yên	0	0	0	0	0	0
8	Nam Định	71	324	17	3	0	0
9	Đắk Lắk	10	55	6	4	13	8
10	Lâm Đồng		73	2	2	52	21
11	Đắk Nông	4	38	2	2	38	0
12	Ninh Thuận		115	6	1	115	0
13	Cần Thơ		566	30		506	60
14	An Giang	3	50	3	1	47	3
15	Hậu Giang	0	0	0	0	0	0
16	Kiên Giang	3	4	3	0	0	0
17	Quảng Ninh	0	11	2	1	10	11
18	Hải Phòng	0	63	1	1	63	0
19	Quảng Trị	0	0	3	1	191	1
20	Thừa Thiên - Huế	0	0	6	1	116	135

STT	Địa phương	Số lượng VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng Quyết định công bố TTHC	Số lượng Văn bản đề nghị VPCP công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Số lượng TTHC đề nghị	
						Công khai	Không công khai
21	Bình Dương	0	365	11	0	0	0
22	Hải Dương	0	0	7	0	509	0
23	Thái Nguyên	3	43	0	0	0	0
24	Thái Bình	0	0	0	0	0	0
25	Quảng Bình	0	0	8	0	410	0
26	Long An	0	234	13	0	0	0
27	Lạng Sơn	4	8	0	0	0	0
28	Bắc Giang	9	35	8	1	222	121
29	Bắc Kạn	0	0	5	3	31	4
30	Tiền Giang	0	0	5	3	518	636
31	Bến Tre	0	0	19	0	555	18
32	TP. Hồ Chí Minh	0	0	1	0	0	0
33	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	20	10	355	356
34	Bạc Liêu	0	0	20	11	285	324
35	Cà Mau	0	0	5	1	75	75
36	Bình Định	0	0	2	2	75	120
37	Gia Lai	0	0	6	1	25	0
38	Khánh Hòa	0	0	7	2	286	302
39	Phú Yên	0	0	18	5	437	0
40	Ninh Bình	0	0	11	8	200	193
41	Thanh Hóa	3	46	6	6	45	4
42	Nghệ An	0	0	1	1	7	3
43	Hà Tĩnh	0	0	12	12	141	207

STT	Địa phương	Số lượng VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng Quyết định công bố TTHC	Số lượng Văn bản đề nghị VPCP công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Số lượng TTHC đề nghị	
						Công khai	Không công khai
44	Yên Bái	0	0	13	4	475	42
45	Lai Châu	0	0	8	8	183	144
46	Sơn La	2	15	1	1	12	13
47	Điện Biên	0	0	28	16	210	230
48	Cao Bằng	2	5	1	1	4	5
49	Hà Giang	8	16	1	1	7	15
50	Tuyên Quang	48	243	8	7	153	90
51	Lào Cai	36	185	9	1	39	0
52	Đà Nẵng	0	0	0	0	0	0
53	Quảng Nam	0	439	4	2	263	176
54	Quảng Ngãi	0	0	0	0	0	0
55	Kon Tum	18	80	4	0	0	0
56	Tây Ninh	0	374	5	5	353	311
57	Đồng Nai	0	387	0	0	292	95
58	Bình Phước	0	70	4	3	70	0
59	Bình Thuận	0	0	0	0	0	0
60	Vĩnh Long	0	423	24	2	207	256
61	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0
62	Trà Vinh	0	181	8	0	0	0
63	Sóc Trăng	3	279	10	5	124	155
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>370</b>	<b>5066</b>	<b>442</b>	<b>143</b>	<b>7887</b>	<b>4375</b>